

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 24 – 01 – 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 684/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 41, LTK, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đặng Minh HH, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 24, đường a, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Bà Trần Tú Y, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 127, NGT, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 127, Ngô Gia Tự, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Đặng Minh HH trình bày:

Ngày 23/9/2019 bà Trương Thị Ngọc H có cho vợ chồng bà Trần Tú Y và ông Trần Quốc T vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2,5%/tháng, việc thỏa thuận vay tiền được lập thành biên bản. Quá trình vay bà Y có đóng lãi và thanh toán một phần tiền vốn, cụ thể như sau: Ngày 08/11/2019 bà

Y thanh toán tiền vốn 30.000.000 đồng, ngày 15/7/2020 bà Y tiếp tục thanh toán tiền vốn 10.000.000 đồng, còn nợ bà H 110.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi, từ ngày 23/9/2019 đến ngày 07/02/2020 bà Y có thanh toán lãi cho bà H số tiền 14.625.000 đồng, hiện còn nợ Lãi như sau:

- Lãi từ ngày 08/02/2020 đến 15/7/2020: $120.000.000đ \times 05 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 1,66\% = 10.424.880 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 16/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/01/2022: $110.000.000đ \times 08 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 1,66\%/\text{tháng} = 33.354.900 \text{ đồng}$

Nay bà H yêu cầu bà Y thanh toán tổng cộng số tiền 153.779.780 đồng, trong đó tiền vốn 110.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 43.779.780 đồng.

Đối với bà Y, ông T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T, bà Y vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời xác định chỉ yêu cầu bà Y có trách nhiệm thanh toán nợ, không yêu cầu đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Tú Y và ông Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc H có cho bị đơn là Trần Tú Y vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2,5%/tháng. Quá trình vay bị đơn đã thanh toán tiền vốn tổng cộng 40.000.000 đồng và còn nợ 110.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền có lập thành biên bản. Để chứng minh cho yêu cầu và lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp “Biên bản về việc thỏa thuận tính chấp” lập ngày 23/9/2019 giữa Bên nhận vay là Trần Tú Y và Bên cho vay là Trương Thị Ngọc H, nội dung Biên bản thể hiện bên B (bà Trần Tú Y) xin vay thỏa thuận không thế chấp số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 6 tháng. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Theo lời trình bày của nguyên đơn quá trình vay bị đơn đã nhiều lần thanh toán lãi từ ngày 23/9/2019 đến ngày 07/02/2020 với tổng số tiền 14.625.000 đồng, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán nợ lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/01/2022

với số tiền 43.779.780 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Mặc dù, bà Y và ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bà Y, ông T cũng không đến Toà án, không gửi văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bà Y có vay và còn nợ bà H đến nay chưa thanh toán là có cơ sở. Mặt khác, theo đơn yêu cầu thay đổi đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu trách nhiệm thanh toán đối với bà Y, không yêu cầu đối với ông T. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Trần Tú Y thanh toán 153.779.780 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn PHH nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H. Buộc bà Trần Tú Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Ngọc H số tiền 153.779.780 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Trong đó tiền vốn 110.000.000 đồng, tiền lãi 43.779.780 đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Y không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn PHH chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Tú Y PHH chịu 7.689.000 đồng (Chưa nộp). Bà Trương Thị Ngọc H không PHH chịu án phí, ngày 17/6/2021 bà H đã dự nộp 3.499.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0001164 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người PHH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Bích Trâm

Mặt khác, tại biên bản tổng đạt giấy triệu tập ngày 10/12/2020, ông Trương Hoàng Vân - Trưởng khóm 2, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau cho biết: Nhà bà Trần Thị Tiên thường xuyên đóng cửa, thỉnh thoảng bà Tiên có về nhà vào ban đêm, năm 2018 ông có biết việc bà Tiên có nhận 100.000.000 đồng tiền đặt cọc bán nhà bán nhà cho ông TH nhưng trốn tránh đến nay không làm thủ tục chuyển nhượng.

việc giao, nhận cọc như trên giữa các đương sự có diễn ra trên thực tế đúng như trình bày của nguyên đơn. Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận mục đích của việc đặt cọc là thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện tích 320m², ngang 10m x dài 32m, tọa lạc tại khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, với giá chuyển nhượng 250.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời gian đặt cọc 02 tháng bị đơn có nghĩa vụ thực hiện thủ tục pháp lý chuyển nhượng phần đất nêu trên cho nguyên đơn

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 40.000.000 đồng, kể từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2020) là 19.787.200 đồng. Xét thấy khi xác lập hợp đồng, các bên không thỏa thuận về phạt cọc. Xét về lỗi dẫn đến không thể giao kết hợp đồng chuyển nhượng thì thấy do bị đơn không tiếp tục thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nên đã vi phạm thỏa thuận, đây là lỗi chủ quan của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi như trên, không yêu cầu trả khoản tiền tương đương khoản tiền đặt cọc theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự, xét thấy yêu cầu này là không phù hợp theo quy định pháp luật về hợp đồng đặt cọc. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi 19.787.200 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận đối với phần trả lại tiền cọc 40.000.000 đồng, không có căn cứ chấp nhận phần trả lãi.

.. thời hạn đặt cọc là 02 tháng, mục đích đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 320m², ngang 10m x dài 32m, tọa lạc tại khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, với giá chuyển nhượng 250.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận trong thời gian đặt cọc ông Tuyền sẽ thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị, sau khi thực hiện xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị thanh toán đủ tiền chuyển nhượng cho ông Tuyền. Quá trình thực hiện thỏa thuận ông Tuyền đã vi phạm không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất trên cho chị, chị đã nhiều lần yêu cầu ông Tuyền thực hiện nhưng ông Tuyền vẫn không thực hiện và cũng không trả lại tiền cọc cho chị. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh Tuyền trả cho chị số tiền cọc đã nhận 40.000.000 đồng, chị yêu cầu ông Tuyền bồi thường thiệt hại do vi phạm thỏa thuận số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị xác định không yêu cầu trả khoản tiền tương đương khoản tiền đặt cọc, mà chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2020), tính như sau $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 19.787.200 \text{ đồng}$.

